

Drinks (*Yǐnliào*)

píjiǔ
(beer)



kēkǒu kēlè
(Coca Cola)



kāfēi
(coffee)



guǒzhī
(fruit juice)



jǐu
(liquor)



níunǎi
(milk)



kuàngquán shuǐ
(mineral water)



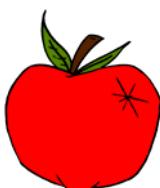
chá
(tea)



cháyèdài
(tea bag)



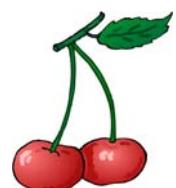
pútaojǐu
(wine)

Fruit (*Shuǐguǒ*)

píngguǒ
(apple)



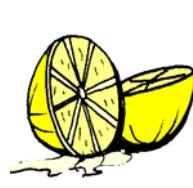
xiāngjiāo
(banana)



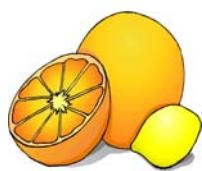
yīngtao
(cherry)



pútao
(grape)



níngméng
(lemon)



chéngzǐ
(orange)



táozi
(peach)



lízi
(pear)



bōluó
(pineapple)



lǐzi
(plum)

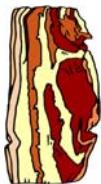


cǎoméi
(strawberry)



xīguā
(watermelon)

Meat (*Ròu*) and Seafood (*Hǎixiān*)



xūnròu
(bacon)



níuròu
(beef)



níupái
(beefsteak)



jīròu
(chicken)



géli
(clam)



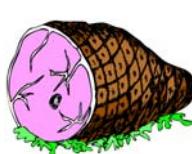
pángxiè
(crab)



jīdàn
(egg)



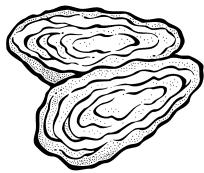
yúròu
(fish)



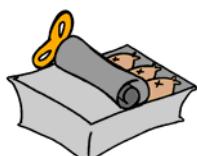
huōtuǐ
(ham)



lóngxiā
(lobster)



háo
(oyster)



shādīngyú
(sardine)

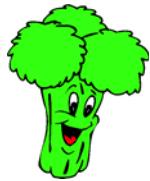


xiā
(shrimp)



yóuyú
(squid)

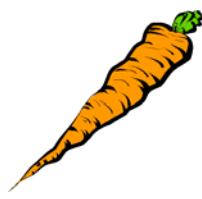
Vegetables (*Shūcài*)



xīlánhuā
(broccoli)



yángbáicài
(cabbage)



húluóbo
(carrot)



qíncài
(celery)



làjiāo
(chili pepper)



yùmǐ
(corn)



qiézi
(eggplant)



dàsuàn
(garlic)



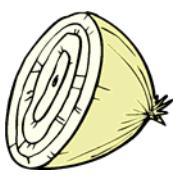
qīngjiāo
(green pepper)



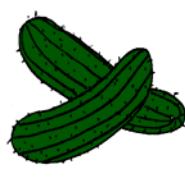
shēngcài
(lettuce)



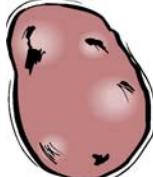
mógu
(mushroom)



yángcōng
(onion)



pàocài
(pickled vegetables)



tǔdòu
(potato)



xiǎo luóbo
(radish)



xuědòu
(snow pea)

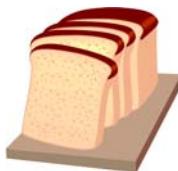


xīhóngshì
(tomato)

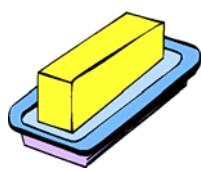


shūcài
(vegetables)

Miscellany (*Qítā*)



miànbāo
(bread)



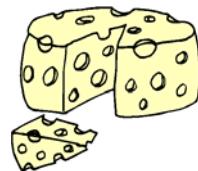
huángyóu
(butter)



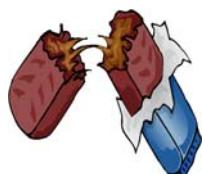
dàngāo
(cake)



tángguǒ
(candy)



nǎilào
(cheese)



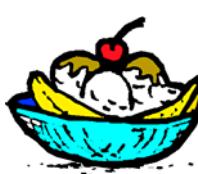
qiǎokèlì
(chocolate)



mǐfàn
(cooked rice)



bǐnggān
(cookie)



tiánshí
(dessert)



tiántián quān
(donut)



zhá shǔtiáo
(fries)



hànbbāobāo
(hamburger)



bīngqílín
(ice cream)



bīng kuài
(ice cube)



guǒjiàng
(jam)



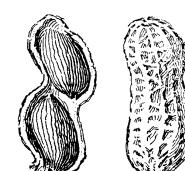
miàntiáo
(noodles)



jiānguǒ
(nut)



jiānbǐng
(pancake)



huāshēng
(peanut)



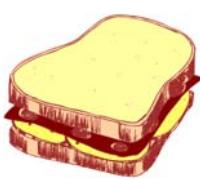
pài
(pie)



bǐsàbīng
(pizza)



bīnggùn
(popsicle)



sānmíngzhì
(sandwich)



tāng
(soup)



táng
(sugar)



kǎo miànbāo
(toast)



suānnǎi
(yogurt)

